

NGHỊ QUYẾT

Về việc Kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn vốn cân đối
ngân sách địa phương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 2844/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về đề nghị thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất Kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, tổng số vốn: 1.620.267 triệu đồng. Phân bổ chi tiết như sau:

1. Trả nợ vay Ngân hàng Phát triển: 53.395 triệu đồng.
2. Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: 7.500 triệu đồng.
3. Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất: 150.000 triệu đồng.
4. Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất: 70.000 triệu đồng.

5. Dự kiến vay Ngân hàng thế giới: 38.800 triệu đồng.

6. Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025: 108.926 triệu đồng.

7. Bố trí cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: 4.000 triệu đồng.

8. Vốn Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050: 34.000 triệu đồng.

9. Hỗ trợ các địa phương: 105.966 triệu đồng.

10. Phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương: 1.047.680 triệu đồng.

(Đính kèm danh mục chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2019. *vt*

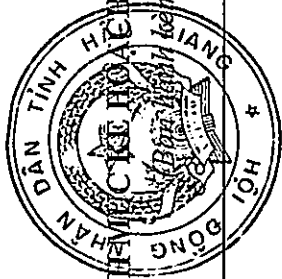
Nơi nhận:

- VPQH, VPCP (HN, TP. HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT *vt*

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Tạo



DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 TỈNH HẬU GIANG NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách				
						Trong CBNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Vay ngân hàng thế giới	
	TỔNG		12.021.464	3.993.741	1.620.267	571.467	810.000	200.000	38.800	
A	Trả nợ vay Ngân hàng phát triển				53.395	53.395				
B	Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất				7.500			7.500		
C	Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất				150.000			150.000		
D	Ghi thu, ghi chi tiền thuế đất				70.000	70.000				
E	Dự kiến vay ngân hàng thế giới	:			38.800				38.800	:
F	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				108.926	44.812	64.114			
G	Bổ trí cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã				4.000	4.000				
H	Vốn Quy hoạch		38.000	38.000	34.000	34.000	-	-		
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư		38.000	38.000	34.000	34.000	-	-		
1	Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050	1984/QĐ-UBND, 08/11/2019	38.000	38.000	34.000	34.000				
I	Hỗ trợ các địa phương		121.800	121.800	105.966	33.132	60.929	11.905		
I	Huyện Phụng Hiệp		46.000	46.000	40.020	-	37.020	3.000		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		46.000	46.000	40.020	-	37.020	3.000		
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	6686/QĐ-UBND, 28/10/2019	7.000	7.000	6.090		6.090			
2	Đường Giao thông nông thôn Xẻo Môn dài bờ trái, xã Long Thạnh	6808/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.500	5.500	4.785		1.785	3.000		
3	Trường Mẫu giáo Tân Long	6768/QĐ-UBND, 29/10/2019	5.500	5.500	4.785		4.785			
4	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2	6688/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.000	6.000	5.220		5.220			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Vay ngân hàng thế giới	
5	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 2	6811/QĐ-UBND, 30/10/2019	7.500	7.500	6.525			6.525		
6	Trường Tiểu học Tân Phước Hưng 3	6812/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000	5.220			5.220		
7	Trường Tiểu học Hiệp Hưng 3	6692/QĐ-UBND, 28/10/2019	8.500	8.500	7.395			7.395		
II	Huyện Châu Thành		43.900	43.900	38.193	20.880	17.313	-		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		43.900	43.900	38.193	20.880	17.313	-		
1	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	6621/QĐ-UBND, 30/10/2019	9.000	9.000	7.830			7.830		
2	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 2)	6620/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000	5.220			5.220		
3	Cụm Dân cư vượt lũ xã Phú Tân	6622/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.000	5.000	4.350			4.350		
4	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Phú Hữu 1	6693/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.900	8.900	7.743			7.743		
5	Nâng cấp tuyến đường Đông Sơn - Bung Cây Sắn	6624/QĐ-UBND, 30/10/2019	15.000	15.000	13.050	13.050				
III	Huyện Châu Thành A		14.000	14.000	12.180	3.275	-	8.905		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		14.000	14.000	12.180	3.275	-	8.905		
1	Cụm Dân cư vượt lũ Trường Long Tây	3557/QĐ-UBND; 31/10/2019	3.000	3.000	2.610	2.610				
2	Nâng cấp trục đường Trung tâm thị trấn Một Ngàn (đoạn từ UBND huyện đến Công an huyện)	3562/QĐ-UBND; 31/10/2019	11.000	11.000	9.570	665		8.905		
IV	Thị xã Ngã Bảy		17.900	17.900	15.573	8.977	6.596	-		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		17.900	17.900	15.573	8.977	6.596	-		
1	Đường dẫn vào Khu Liên hiệp Đình Chiến	1911/QĐ-UBND, 31/10/2019	14.900	14.900	12.963	8.977	3.986			
2	Trường Mẫu giáo Bông Sen (điểm khu vực 2 và khu vực 6)	1923/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	870		870			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Trong CBNS		Cân đối ngân sách			Vay ngân hàng thế giới			
						Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất					
3	Trường Mẫu giáo Phong Lan	1915/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000	1.740	1.740						
J	VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN		11.861.664	3.833.941	1.047.680	332.128	684.957	30.595				
*	CẤP TỈNH QUẢN LÝ		10.080.590	2.643.986	446.407	183.394	256.013	7.000	-			
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh		1.503.291	161.664	11.992	11.992	-	-				
(1)	Dự án tất toán tài khoản		1.338.291	105.063	10.392	10.392	-	-				
	Dự án nhóm B		1.295.906	95.945	9.114	9.114	-	-				
1	Kè Kênh Xáng Xã No giai đoạn 2	400/QĐ-UBND 24/02/2009	998.017	2.875	2.875	2.875						Thu hồi tạm ứng 2.875 triệu đồng (theo Công văn số 221/UBND-KT, 30/01/2019)
2	Hệ thống công ngăn mặn nam kênh Xã No, tỉnh Hậu Giang	1786/QĐ-UBND 5/10/2011; 1917/QĐ-UBND, 6/12/2018	297.889	93.070	6.239	6.239						
	Dự án nhóm C		42.385	9.118	1.278	1.278	-	-				
1	Mô hình trồng lúa xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy thuộc Dự án Quản lý Thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long (WB6)	1364/QĐ-UBND 25/9/2015	27.683	6.864	964	964		964				
2	Xây dựng cống Hóc Hòa tỉnh Hậu Giang	2049/QĐ-UBND 17/11/2016	14.702	2.254	314	314						
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020		165.000	56.601	1.600	1.600	-	-				
	Dự án nhóm C		165.000	56.601	1.600	1.600	-	-				
1	Hồ chứa nước ngọt tỉnh Hậu Giang	1638/QĐ-UBND	165.000	56.601	1.600	1.600		1.600				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách		Tiền sử dụng đất	Vay ngân hàng thế giới		
						Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết				
II	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang		1.159.645	1.029.645	17.360	-	17.360	-			
(1)	Dự án hoàn thành năm 2020		1.159.645	1.029.645	17.360	-	17.360	-			
	Dự án nhóm A		1.159.645	1.029.645	17.360	-	17.360	-			
I	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Hậu đợt 2- Giai đoạn 1, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	376/QĐ-UBND, 27/02/2007	417.370	357.370	10.328		10.328				
2	Dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng KCN Tân Phú Thạnh - GE1, huyện Châu Thành A	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	7.032		7.032				
III	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh		169.886	169.886	6.173	-	6.173	-			
(1)	Dự án tất toán tài khoản		166.928	166.928	3.473	-	3.473	-			
	Dự án nhóm B		166.928	166.928	3.473	-	3.473	-			
I	Khu tái định cư phục vụ KCN Sông Hậu đợt 3 - GE 1	1507/QĐ-UBND, 08/7/2010	166.928	166.928	3.473		3.473				:
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		2.958	2.958	2.700	-	2.700	-			
	Dự án nhóm C		2.958	2.958	2.700	-	2.700	-			
I	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1	273/QĐ-SKHĐT, 19/10/2019	2.958	2.958	2.700		2.700				
IV	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh		11.045	11.045	270	-	270	-			
(1)	Dự án tất toán tài khoản		11.045	11.045	270	-	270	-			
	Dự án nhóm C		11.045	11.045	270	-	270	-			
I	Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Cần Thơ - Phụng Hiệp, xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	1219/QĐ-UBND 26/8/2014	11.045	11.045	270		270				
V	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh		5.779.370	442.907	44.997	-	44.997	-			
(1)	Dự án tất toán tài khoản		5.554.570	218.107	1.238	-	1.238	-			
	Dự án nhóm A		5.373.830	60.000	1.208	-	1.208	-			
I	Đường nối thị xã Vị Thanh tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ	1258/QĐ-UBND 7/6/2010	5.373.830	60.000	1.208		1.208				
	Dự án nhóm B		157.740	157.740	12	-	12	-			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	Ghi chú					
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Cân đối ngân sách				
							Trong CBNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
1	Cơ sở HT Khu hành chính UBND tỉnh	1000/QĐ-UBND 6/5/2008	157.740	157.740	12	12					
	Dự án nhóm C		23.000	367	18	18	-	-			
1	Trụ sở Sở GTVT	962/QĐ-UBND 27/4/2010	23.000	367	18	18					
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		200.450	200.450	21.846	21.846	-	-			
	Dự án nhóm B		110.000	110.000	5.620	5.620	-	-			
1	Đường ô tô về TT xã Đông Phước A	1963/QĐ-UBND 31/10/2016	110.000	110.000	5.620	5.620					
	Dự án nhóm C		90.450	90.450	16.226	16.226	-	-			
1	Cầu Tân Hiệp	1962/QĐ-UBND 31/10/2016	31.000	31.000	2.000	2.000					
2	Mở rộng nút giao Quốc lộ 61 và đầu tư tuyến điện trung thế vào Khu du lịch sinh thái Việt Úc	482/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	5.150	5.150	1.000	1.000					
3	Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến kênh Ba Liên)	483/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	6.300	6.300	724	724					
4	Cải tạo, nâng cấp đường bờ bao kênh Lái Hiếu, kênh La bách, thị trấn Cây Dương	278/QĐ-SKHĐT 31/10/2017	13.000	13.000	3.000	3.000					
5	Đường số 1 thuộc Khu đô thị Nguyễn Huệ, phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy	1882/QĐ-UBND 31/10/2017; 1855/QĐ-UBND 29/11/2018	35.000	35.000	9.502	9.502					
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		24.350	24.350	21.913	21.913	-	-			
	Dự án nhóm C		24.350	24.350	21.913	21.913	-	-			
1	Mở rộng đường tránh thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ	1903/QĐ-UBND 30/10/2019	24.350	24.350	21.913	21.913					
VI	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang		80.000	80.000	5.524	5.524	-	-			
I	Dự án hoàn thành trước 31/12/2019		80.000	80.000	5.524	5.524	-	-			
	Dự án nhóm B		80.000	80.000	5.524	5.524	-	-			
I	Thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hậu Giang	2151/QĐ-UBND, 31/10/2017	80.000	80.000	5.524	5.524					
VII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		878.216	421.485	164.291	36.037	121.254	7.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dùng đất	Vay ngân hàng thế giới	
(1)	Bổ trí tất toán tài khoản		278.785	99.547	5.242	4.370	872	-			
1	Trung tâm Hội nghị tỉnh	1239/QĐ-UBND, 28/8/2014	193.727	63.727	4.370	4.370					
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang, hạng mục: Nhà để xe nhân viên, nhà đặt tủ điện (ATS), ... Trang thiết bị văn phòng	1743/QĐ-UBND 25/10/2013	35.062	35.062	614		614				
3	Trung tâm bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh	1919/QĐ- UBND 31/10/2016	49.996	758	258		258				
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020	0	157.398	157.398	17.485	16.967	518	-			
	Dự án nhóm B		115.000	115.000	13.981	13.500	481	-			
1	Khu hậu cử đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh và khu hành chính quản lý thuộc Trung tâm văn hóa tỉnh Hậu Giang	1940/QĐ- UBND 31/10/2016	115.000	115.000	13.981	13.500	481			:	
	Dự án nhóm C		42.398	42.398	3.504	3.467	37	-			
1	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Hậu Giang	214/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.400	7.400	37		37				
2	Trụ sở làm việc, Hội trường Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ.	1715/QĐ-UBND, 31/10/2018	23.024	23.024	1.593	1.593					
3	Sửa chữa Trụ sở làm việc các Ban xây dựng Đảng và Đoàn thể tỉnh.	485/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	11.974	11.974	1.874	1.874					
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020		274.000	13.000	9.000	9.000	-	-			
	Dự án nhóm B		274.000	13.000	9.000	9.000	-	-			
1	Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh	762/QĐ-UBND ngày 05/6/2014	274.000	13.000	9.000	9.000					
(4)	Dự án khôi công mới năm 2020		168.033	151.540	132.564	5.700	119.864	7.000			
	Dự án nhóm C		168.033	151.540	132.564	5.700	119.864	7.000	-		
1	Tu sửa cấp thiết: Nâng cấp, sửa chữa và xây mới hệ thống thoát nước Khu Di tích quốc gia đặc biệt Chiến thắng Chương Thiện, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ	1906/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.236	1.236	1.176		1.176				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách			Vay ngân hàng thế giới		
						Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất			
2	Xây dựng nhà ăn cho đoàn vận động viên thể thao tại Khu Liên hiệp thể dục thể thao, thành phố Vị Thanh và chống dịch khu hành chính	240/QĐ-SKHĐT, 03/10/2019	2.000	2.000	1.900		1.900				
3	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế Phường Hiệp Thành	275/QĐ-SKHĐT, 23/10/2019	3.402	3.402	2.960		2.960				
4	Trường Tiểu học Tân Long 2	297/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000	8.900	200	8.700				
5	Trường Tiểu học thị trấn Cây Dương 1	296/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000	8.700		8.700				
6	Trường Trung học cơ sở Ngõ Hữu Hạnh	295/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	12.700	12.700	11.049		11.049				
7	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Viết Xuân	294/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	11.310		11.310				
8	Trường Tiểu học Ngã Bảy 2	293/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	11.310		4.310	7.000			
9	Trường Tiểu học Vị Thủy 1	292/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	10.000	10.000	8.700		8.700				
10	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 1, xã Vĩnh Thuận Tây	291/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	11.310		11.310				
11	Trường Tiểu học Ngã Sáu	290/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	13.000	13.000	11.310		11.310				
12	Trường Trung học Phổ thông Vị Thanh	1600/QĐ-UBND, 26/9/2019	35.555	35.555	31.040		31.040				
13	Trường Trung học Phổ thông Lê Hồng Phong	289/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	5.500	5.500	4.785		4.785				
14	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên địa bàn tỉnh	1913/QĐ-UBND, 31/10/2019	18.700	4.398	4.000	4.000					
15	Sửa chữa Cổng chào Cái Tắc, huyện Châu Thành A	285/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	778	778	700	700					
16	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS tỉnh	288/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	1.972	1.972	1.716		1.716				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách				
						Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Vay ngân hàng thế giới	
17	Trồng bổ sung cây xanh khu di tích Đền thờ Bác hồ, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	286/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	3.090	899	899		899			
18	Trạm biến áp Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Hậu Giang	287/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	1.100	1.100	800	800				
VIII	Sở Y tế		133.000	133.000	112.400	-	112.400	-		
(2)	Dự án khởi công mới 2020	0	133.000	133.000	112.400	-	112.400	-		
	Dự án nhóm B		133.000	133.000	112.400	-	112.400	-		
1	Mua sắm trang thiết bị y tế (tuyến tỉnh, tuyến huyện)	1931/QĐ-UBND, 31/10/2019	133.000	133.000	112.400		112.400			
IX	Sở Giáo dục và Đào tạo		11.200	11.200	9.744	-	9.744	-		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		11.200	11.200	9.744	-	9.744	-		
	Dự án nhóm C		11.200	11.200	9.744	-	9.744	-		
1	Trường Trung học Phổ thông Hòa An	314/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	3.000	3.000	2.610		2.610			
2	Trường Trung học Phổ thông Châu Thành A	315/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	3.000	3.000	2.610		2.610			
3	Nâng cấp sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh	304/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	400	400	350		350			
4	Nâng cấp sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông Lương Thế Vinh	305/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	500	500	450		450			
5	Nâng cấp sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông Ngã Sáu	306/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	300	300	280		280			
6	Nâng cấp sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông cái Tắc	308/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	600	600	500		500			
7	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông Cây Dương	309/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	600	600	500		500			
8	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông Phú Hữu	307/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	400	400	324		324			
9	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông Tân Long	311/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	500	500	480		480			
10	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông Tây Đô	312/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	600	600	490		490			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số CĐNS	Chia theo nguồn vốn		Vay ngân hàng thế giới		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP			Trong	Xổ số kiến thiết		Tiền sử dụng đất	
11	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông Trường Long Tây	310/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	400		400	350		350			
12	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng nhà vệ sinh Trường Trung học Phổ thông Vĩnh Tường	313/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	900		900	800		800			
X	Sở Khoa học và Công nghệ		5.000		5.000	4.500		4.500		-	
(4)	Dự án khởi công mới 2020		5.000		5.000	4.500		4.500		-	
	Dự án nhóm C		5.000		5.000	4.500		4.500		-	
1	Dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho Trung tâm Thông tin và ứng dụng KHCN (giai đoạn 1)	2324/QĐ-UBND, 01/12/2017	5.000		5.000	4.500		4.500			
XI	Sở Thông tin và Truyền thông		780		780	700		700		-	
(4)	Dự án khởi công mới 2020		780		780	700		700		-	
	Dự án nhóm C		780		780	700		700		-	
1	Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu Kiều bảo tỉnh Hậu Giang	298a/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	780		780	700		700			
XII	Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn		2.500		2.500	2.425		2.425		-	
(4)	Dự án khởi công mới 2020		2.500		2.500	2.425		2.425		-	
	Dự án nhóm C		2.500		2.500	2.425		2.425		-	
1	Trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh	262/QĐ-SKHĐT, 11/10/2019	2.500		2.500	2.425		2.425			
XIII	Trung tâm nước sạch và VSMTNT		31.000		31.000	26.970		14.355		12.615	
(4)	Dự án khởi công mới 2020		31.000		31.000	26.970		14.355		12.615	
	Dự án nhóm C		31.000		31.000	26.970		14.355		12.615	
1	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Thạnh Xuân, Trường Long A, Trường Long Tây, Nhơn Nghĩa A.	276/QĐ-SKHĐT, 25/10/2019	7.500		7.500	6.525				6.525	
2	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Hòa An, Phụng Hiệp, Tân Phước Hưng, Hiệp Hưng, Thạnh Hòa, Tân Long	302/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	8.500		8.500	7.395		7.395			
3	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Vị Bình, Vị Thắng, Vĩnh Tường, Vĩnh Trung, Vị Thanh, Vị Trung, Vĩnh Thuận Tây	301/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	8.000		8.000	6.960		6.960			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
4	Nâng cấp mở rộng, Phát triển tuyến ống cấp nước các xã: Thuận Hòa, Xã Phấn, Vĩnh Thuận Đông, Vĩnh Viễn, Thuận Hưng, Vĩnh Viễn A	277/QĐ-SKHĐT, 25/10/2019	7.000	7.000	6.090		6.090			
XIV	Công an tỉnh		90.832	36.123	11.706	11.706	-			
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		83.400	28.700	5.248	5.248	-			
	Dự án nhóm C		83.400	28.700	5.248	5.248	-			
1	Trạm Cảnh sát đường thủy Nhơn Nghĩa A (chỉ phí bồi hoàn)	502/QĐ-SKHĐT, 12/11/2018	2.200	2.200	200	200				
2	Trạm Cảnh sát đường thủy Cái Côn (chỉ phí bồi hoàn)	503/QĐ-SKHĐT, 12/11/2018	2.600	2.600	600	600				
3	Nâng cấp sửa chữa, cải tạo Nhà ăn tập thể cán bộ chiến sĩ Phòng Cảnh sát cơ động thuộc công an tỉnh	249/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.900	2.900	1.245	1.245				
4	Cơ sở làm việc Công an huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	4880/QĐ-BCA-H43, 28/12/2017	75.700	21.000	3.203	3.203				
(2)	Dự án khởi công mớinăm 2020		7.432	7.423	6.458	6.458	-			
	Dự án nhóm C		7.432	7.423	6.458	6.458	-			
1	Công an xã Long Phú	300/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	2.500	2.500	2.175	2.175				
2	Công an xã Vĩnh Trung	299/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	3.132	3.123	2.717	2.717				
3	Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cảnh sát 113. Hạng mục: Trạm biến áp và đường dây trung hạ áp	298/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	1.800	1.800	1.566	1.566				
XV	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		173.008	74.112	17.380	17.380	-			
(1)	Dự án tất toán tài khoản		130.348	31.452	2.272	2.272	-			
	Dự án nhóm B		116.348	17.452	2.000	2.000	-			
1	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện dự bị động viên	1704/QĐ-UBND, 04/12/2014	116.348	17.452	2.000	2.000				
	Dự án nhóm C		14.000	14.000	272	272	-			
1	Sửa chữa Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn	220/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	14.000	14.000	272	272				
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		30.760	30.760	4.755	4.755	-			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách		Vay ngân hàng thế giới			
						Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết		Tiền sử dụng đất		
	Dự án nhóm C		30.760	30.760	4.755	4.755	-	-	-		
1	Đại đội Trinh sát	2256/QĐ-UBND 21/11/2017; 471/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	17.360	17.360	2.155	2.155					
2	Ban Chỉ huy quân sự huyện Long Mỹ; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng	399/QĐ-SKHĐT 31/7/2018; 168/QĐ- SKHĐT 06/6/2019	13.400	13.400	2.600	2.600					
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		11.900	11.900	10.353	10.353	-	-	-		
	Dự án nhóm C		11.900	11.900	10.353	10.353	-	-	-		
1	Ban CHQS phường Bình Thạnh	2513/QĐ-UBND, 29/12/2017	2.700	2.700	2.349	2.349					
2	Ban CHQS phường Thuận An	2512/QĐ-UBND, 29/12/2017	2.700	2.700	2.349	2.349					
3	Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	319/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	6.500	6.500	5.655	5.655					
XVI	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang		31.074	31.074	7.605	7.605	-	-	-		
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		31.074	31.074	7.605	7.605	-	-	-		
	Dự án nhóm C		31.074	31.074	7.605	7.605	-	-	-		
1	San lấp mặt bằng đường số 2, đường số 3, khu xử lý nước và rác thải; Khu thực nghiệm trình diễn cây trồng cận và vi sinh; Xây dựng trụ sở tạm (thuộc Khu trung tâm - Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang)	1714/QĐ-UBND, 31/10/2018	31.074	31.074	7.605	7.605					
XVII	Tỉnh đoàn Hậu Giang		19.243	1.065	1.065	1.065	-	-	-		
(2)	Dự án tất toán tài khoản		19.243	1.065	1.065	1.065	-	-	-		
	Dự án nhóm C		19.243	1.065	1.065	1.065	-	-	-		
1	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh	1269/QĐ-UBND, 07/6/2010	19.243	1.065	1.065	1.065					
XVIII	Sở Tài nguyên và Môi trường		1.500	1.500	1.305	1.305	-	-	-		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		1.500	1.500	1.305	1.305	-	-	-		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Vay ngân hàng thế giới	
	Dự án nhóm C		1.500	1.500	1.305	1.305	-	-		
1	Mua sắm trang thiết bị bàn, ghế phòng họp lớn Sở Tài nguyên và Môi trường	281/QĐ-SKHĐT, 28/10/2019	1.500	1.500	1.305	1.305				
**	HUYỆN QUẢN LÝ		1.781.074	1.189.955	601.272	148.734	428.943	23.595		
I	Thành phố Vị Thanh		920.732	350.732	125.223	80.136	38.587	6.500	-	
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		14.999	14.999	1.276	1.276	-	-		
	Dự án nhóm C		14.999	14.999	1.276	1.276	-	-		
1	Đường số 6 trong Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp thành phố Vị Thanh	3276/QĐ-UBND, 25/10/2018	14.999	14.999	1.276	1.276				
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020		834.617	264.617	61.000	61.000	-	-		
	Dự án nhóm B		834.617	264.617	61.000	61.000	-	-		
1	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh	496/QĐ-UBND 27/3/2017	834.617	264.617	61.000	61.000				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		71.116	71.116	62.947	17.860	38.587	6.500		
	Dự án nhóm C		71.116	71.116	62.947	17.860	38.587	6.500		
1	Kè gia cố sạt lở và lát gạch vỉa hè đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Lê Hồng Phong)	3506/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000	5.220	5.220				
2	Nhà văn hóa khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh	3491/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.300	1.300	1.250		1.250			
3	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Thạnh Trung, xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh	3493/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.600	1.530		1.530			
4	Nhà Văn hóa khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh	3502/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.600	1.530		1.530			
5	Nhà Văn hóa khu vực 5, phường III, thành phố Vị Thanh	3512/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.600	1.530		1.530			
6	Nhà Văn hóa khu vực 3, phường V, thành phố Vị Thanh	3490/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.576	1.576	1.506		1.506			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất			
7	Nhà Văn hóa khu vực 2, phường III, thành phố Vị Thanh	3492/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.600	1.600	1.530		1.530			
8	Đường và cầu kênh Vị Bình, xã Hòa Lợi, thành phố Vị Thanh	3508/QĐ-UBND, 31/10/2019	10.000	10.000	10.000	8.700	8.700				
9	Đường ô tô về trung tâm xã Hòa Lợi, hạng mục: Láng nhưa, cầu Kênh Chùa và các đường dẫn	3507/QĐ-UBND, 31/10/2019	12.000	12.000	12.000	10.440	3.940		6.500		
10	Nhà Văn hóa khu vực 2, phường VII	3492/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.600	1.600	1.392		1.392			
11	Nâng cấp sửa chữa Trạm Y tế xã Hòa Tiến, TP Vị Thanh	3495/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.600	1.600	1.600	1.392		1.392			
12	Nhà Văn hóa khu vực 1, phường V	3503/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000	2.000	1.740		1.740			
13	Nâng cấp, sửa chữa đường Kênh 5, xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh	3510/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500	1.500	1.305		1.305			
14	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đập Đá	3509/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.200	1.200	1.200	1.044		1.044			
15	Trường Mầm non Sen Hồng	3500/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400	1.400	1.400	1.218		1.218			
16	Trường Mầm non Hoa Hồng	3496/QĐ-UBND, 31/10/2019	600	600	600	582		582			
17	Trường Tiểu học Kim Đồng	3499/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.500	9.500	9.500	8.265		8.265			
18	Trường Tiểu học Hím Lam	3505/QĐ-UBND, 31/10/2019	500	500	500	485		485			
19	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	3489/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000	970		970			
20	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	3504/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000	6.000	5.220		5.220			
21	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	3498/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.340	3.340	3.340	2.906		2.906			
22	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Chu Văn An	3514/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000	870		870			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất			
23	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	3497/QĐ-UBND, 31/10/2019	600	600	582		582				
24	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Phan Văn Trị	3513/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	870		870		870		
25	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trục	3494/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	870		870		870		
II	Thị xã Ngã Bảy		90.310	90.310	58.979	23.900	35.079	-			
(1)	Dự án tất toán tài khoản		3.052	3.052	400	-	400	-			
	Dự án nhóm C		3.052	3.052	400	-	400	-			
1	Nhà Văn hóa-Khu thể thao ấp Đông Bình, xã Tân Thành	2197/QĐ-UBND ngày 02/7/2014	3.052	3.052	400		400		400		
(2)	Dự án hoàn thành trước 31/12/2019		15.000	15.000	1.500	1.500	-	-			
	Dự án nhóm C		15.000	15.000	1.500	1.500	-	-			
1	Hạ tầng kỹ thuật hồ Xáng Thối, thị xã Ngã Bảy - Giai đoạn 1	2464/QĐ-UBND, 31/10/2017	15.000	15.000	1.500	1.500					
(3)	Dự án hoàn thành năm 2020		15.000	15.000	8.000	8.000	-	-			
	Dự án nhóm C		15.000	15.000	8.000	8.000	-	-			
1	Bờ kè chống sạt lở kênh Xáng Thối, phường Ngã Bảy	2753/QĐ-UBND, 31/10/2018	15.000	15.000	8.000	8.000					
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		57.258	57.258	49.079	14.400	34.679	-			
	Dự án nhóm C		57.258	57.258	49.079	14.400	34.679	-	-		
1	Nâng cấp mở rộng lộ giao thông ấp Sơn Phú 2 - Bàu Thưa - Đông Bình - Đông An 2A, xã Tân Thành, thị xã Ngã Bảy	1910/QĐ-UBND, 31/10/2019	11.738	11.738	9.100	9.100					
2	Di dời nhà bia ghi tên Liệt Sĩ xã Đại Thành	1913/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	870		870				
3	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Cái Lớn (đoạn từ cầu Phụng Hiệp đến kênh Mang Cá)	1912/QĐ-UBND, 31/10/2019	14.950	14.950	13.007		13.007				
4	Mua sắm thiết bị nhà công vụ	1926/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.970	1.970	1.700	1.700					
5	Trường Tiểu học Tân Thành 2	1927/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.300	8.300	7.221		7.221		7.221		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Cân đối ngân sách			Vay ngân hàng thế giới			
						Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất				
6	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	1924/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000	4.350		4.350					
7	Trường Mầm non Hướng Dương	1917/QĐ-UBND, 31/10/2019	500	500	485		485					
8	Trường Mẫu giáo Sao Mai	1914/QĐ-UBND, 31/10/2019	500	500	485		485					
9	Trường Tiểu học Lái Hiếu	1916/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.800	1.800	1.566		1.566					
10	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	1922/QĐ-UBND, 31/10/2019	500	500	485		485					
11	Nâng cấp, sửa chữa 6 điểm trường (Mẫu giáo Sen Hồng; Tiểu học Hùng Vương; Tiểu học Lý Tự Trọng; Tiểu học Kim Đồng; Tiểu học Đại Thành 2 và Trung học cơ sở Đại Thành)	1925/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500	1.305		1.305			1.305		:
12	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	1918/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500	1.305		1.305			1.305		
13	Cổng chào thị xã Ngã Bảy khu vực Vòng Xoay Hiệp Thành	1920/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000	1.800		1.800			1.800		
14	Cổng chào thị xã Ngã Bảy khu vực Vòng Xoay Hiệp Lợi	1921/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.000	2.000	1.800		1.800			1.800		
15	Đài Truyền thanh thị xã Ngã Bảy	1944/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.000	4.000	3.600		3.600					
II	Thị xã Long Mỹ		206.829	195.986	70.093		12.812		53.281	4.000		
(1)	Dự án tất toán tài khoản		89.729	78.886	2.216		2.216		-	-		
	Dự án nhóm C		89.729	78.886	2.216		2.216		-	-		
1	Đường Cách Mạng Tháng 8 nối dài	672/QĐ-UBND, 01/03/2013	71.000	60.157	685		685					
2	Đường từ kênh Xẻo Cò đến kênh Quán Lộ Phụng Hiệp	3069/QĐ-UBND, 24/9/2013	7.590	7.590	445		445					
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường về chợ Bình Hiếu	816/QĐ-UBND, 29/6/2015	430	430	413		413			413		
5	Trụ sở Phường Thuận An	469/QĐ-UBND, 24/3/2016	9.767	9.767	573		573			573		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách				
						Trong CĐNS	Xổ số liên thiết	Tiền sử dụng đất	Vay ngân hàng thế giới	
6	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Long Trị, thị xã Long Mỹ	1513/QĐ-UBND, 30/10/2016	942	942	100	100				
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		51.000	51.000	9.396	9.396	-	-		
a	Dự án nhóm C		51.000	51.000	9.396	9.396	-	-		
1	Đường từ Trà Lồng đến xã Long Trị (Xẻo cỏ - Xẻo Xu - Long Trị)	2318/QĐ-UBND, 30/10/2016	40.000	40.000	7.996	7.996				
2	Trụ sở UBND xã Long Trị	2930/QĐ-UBND, 31/10/2018	11.000	11.000	1.400	1.400				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		66.100	66.100	58.481	58.481	53.281	4.000		
a	Dự án nhóm C		66.100	66.100	58.481	58.481	53.281	4.000		
1	Trường Tiểu học Long Phú 1	975/QĐ-UBND, 25/6/2019	1.000	1.000	870	870				
2	Nâng cấp đê bao tuyến kênh Giồng Sao	1028/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.300	1.300	1.200	1.200				
3	Trung tâm văn hóa kết hợp Hội trường xã Nông thôn mới Tân Phú	1569/QĐ-UBND, 31/10/2019	8.500	8.500	8.245		4.245	4.000		
4	Trường Mẫu giáo Phương Hồng	1562/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.900	1.900	1.653		1.653			
5	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	1557/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.600	4.600	4.002		4.002			
6	Trường Tiểu học Vĩnh Tường	1565/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.450	1.450	1.262		1.262			
7	Trường Tiểu học Bình Thạnh	1552/QĐ-UBND, 31/10/2019	6.000	6.000	5.220		5.220			
8	Trường Tiểu học Long Phú 2	1558/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.600	2.600	2.262		2.262			
9	Trường Tiểu học Tân Phú 1 (Điểm áp Long Trị 1)	1555/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.500	4.500	3.915		3.915			
10	Trường Trung học cơ sở Trịnh Văn Thi	1566/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.700	1.700	1.479		1.479			
11	Trường Trung học cơ sở Long Trị A	1550/QĐ-UBND, 31/10/2019	550	550	534		534			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP			Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
12	Trường Trung học cơ sở Long Trị	1561/QĐ-UBND, 31/10/2019	2.800	2.800	2.800	2.436		2.436			
13	Trường Mẫu giáo Long Trị	1560/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.900	1.900	1.900	1.653		1.653			
14	Trường Mẫu giáo Trà Lồng	1553/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.050	7.050	7.050	6.134		6.134			
15	Trường Mẫu giáo Tân Phú	1556/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.300	4.300	4.300	3.741		3.741			
16	Trường Tiểu học Long Trị A	1554/QĐ-UBND, 31/10/2019	4.000	4.000	4.000	3.480		3.480			
17	Trường Tiểu học Long Trị 2 (Lộ Tổng)	1559/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000	5.000	4.350		4.350			
18	Trường Trung học cơ sở Trà Lồng	1551/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.650	3.650	3.650	3.176		3.176		:	:
19	Trường Mẫu giáo Bình Thạnh	1563/QĐ-UBND, 31/10/2019	900	900	900	783		783			
20	Trường Mẫu giáo Long Trị A	1564/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	1.000	870		870			
21	Trường Tiểu học Long Phú 1 (điểm lẻ Long Bình 1)	1567/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400	1.400	1.400	1.218		1.218			
IV	Huyện Long Mỹ		180.450	170.174	86.570	4.492	80.623	1.455			
(1)	Dự án tái toán tài khoản		84.090	73.814	1.882	1.882	-	-			
	Dự án nhóm C		84.090	73.814	1.882	1.882	-	-			
1	Trụ sở tạm huyện Long Mỹ	876/QĐ-UBND, 26/6/2015	29.711	29.711	143	143					
2	Trường THCS Lương Tâm	1162/QĐ-UBND, 20/8/2015	12.276	2.000	101	101					
3	Trường Mẫu giáo Lương Tâm	1147/QĐ-UBND, 18/8/2015	1.189	1.189	57	57					
4	Năng cấp tuyến đé bao Long Mỹ 2	5668/QĐ-UBND, 25/7/2014	5.668	5.668	75	75					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách		Vay ngân hàng thế giới		
						Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết		Tiền sử dụng đất	
5	Cầu kênh Chùa áp 7 xã Lương Nghĩa	2844/QĐ - UBND, 31/10/2016	260	260	16	16				
6	Sửa chữa trụ sở áp 3 (cũ) thành Nhà Văn hóa áp 3 xã Vĩnh Viễn	2841/QĐ - UBND, 31/10/2016	86	86	6	6				
7	Giải phóng mặt bằng Khu hành chính mới huyện Long Mỹ	1795/QĐ-UBND, 28/10/2016	30.000	30.000	-					
8	Nhà Văn hóa áp 3 xã Vĩnh Thuận Đông	2832/QĐ - UBND, 31/10/2016	700	700	50	50				
9	Nhà Văn hóa áp 5 xã Thuận Hòa	2839/QĐ - UBND, 31/10/2016	800	800	38	38				
10	Giải phóng mặt bằng Đường tỉnh 930 (đoạn từ nút giao đường tránh qua Trung tâm huyện Long Mỹ đến cầu Hai Quỳ)	2824/QĐ - UBND, 31/10/2016	3.400	3.400	1.396	1.396				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		96.360	96.360	84.688	2.610	80.623	1.455		
	Dự án nhóm C		96.360	96.360	84.688	2.610	80.623	1.455		
1	Nhà bia tưởng niệm các liệt sĩ Trung đoàn 10 - Quân khu 9 tại xã Xà Phien	1042/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.360	1.360	1.300	1.300		1.300		
2	Đường Cao hột Bé B, xã Thuận Hòa	2453/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.500	1.500	1.455			1.455		
3	Đường Bờ xáng áp 2, xã Thuận Hòa	2454/QĐ-UBND, 31/10/2019	3.000	3.000	2.610	2.610				
4	Trung tâm văn hóa xã Thuận Hòa	2457/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.000	1.000	870		870			
5	Nhà văn hóa áp 2, xã Thuận Hòa	2286/QĐ-UBND, 23/10/2019	700	700	609		609			
6	Nhà văn hóa áp 3, xã Thuận Hòa	2287/QĐ-UBND, 23/10/2019	700	700	609		609			
7	Trường Tiểu học Vĩnh Viễn 1	2290/QĐ-UBND, 23/10/2019	2.000	2.000	1.740		1.740			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối ngân sách	Chia theo nguồn vốn				
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSĐP			Trong CĐNS	Xô số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Vay ngân hàng thế giới	
8	Trường Tiểu học Xà Phiên 1	2292/QĐ-UBND, 23/10/2019	5.000	5.000			4.350				
9	Trường Tiểu học Phạm Thị Gạo	2291/QĐ-UBND, 23/10/2019	2.000	2.000			1.740				
10	Trường Tiểu học Thuận Hưng 1	2334/QĐ-UBND, 25/10/2019	4.000	4.000			3.480				
11	Trường Tiểu học Xà Phiên 2	2335/QĐ-UBND, 25/10/2019	5.000	5.000			4.350				
12	Trường Tiểu học Thuận Hoà 1	2327/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.100	2.100			1.827				
13	Trường Trung học cơ sở Xà Phiên	2331/QĐ-UBND, 25/10/2019	900	900			783				
14	Trường Mẫu giáo Thuận Hưng	2333/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.500	2.500	2.500	2.175	2.175				
15	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa	2326/QĐ-UBND, 25/10/2019	8.000	8.000			6.960				
16	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thành Đồ	2329/QĐ-UBND, 25/10/2019	7.000	7.000			6.090				
17	Trường Mẫu giáo Vĩnh Viễn 2	2328/QĐ-UBND, 25/10/2019	5.000	5.000			4.350				
18	Trường Mẫu giáo Lương Nghĩa	2289/QĐ-UBND, 23/10/2019	6.000	6.000			5.220				
19	Trường Mẫu giáo Xà Phiên 1	2330/QĐ-UBND, 25/10/2019	6.500	6.500			5.655				
20	Trường Tiểu học Vĩnh viễn A2	2332/QĐ-UBND, 25/10/2019	4.000	4.000			3.480				
21	Nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Trương Tấn Lập	2456/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.800	9.800			8.820				
22	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Lương Nghĩa 2	2455/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.800	9.800			8.820				
23	Trường Trung học cơ sở Chiêm Thành Tấn	2288/QĐ-UBND, 23/10/2019	8.500	8.500			7.395				
V	Huyện Vị Thủy		99.273	99.273			87.849	15.638	66.391	5.820	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách				
						Trong CBNS	Xổ số liên thiết	Tiền sử dụng đất		
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		10.303	10.303	2.383	2.383	-	-		
	Dự án nhóm C		10.303	10.303	2.383	2.383	-	-		
1	Sửa chữa các trụ sở thuộc UBND huyện Vị Thủy. Hạng mục: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an huyện, Trung tâm Văn hóa Thông tin – Thể thao, hàng rào Huyện ủy	3395/QĐ-UBND, 27/9/2018	4.303	4.303	1.156	1.156				
2	Nâng cấp, sửa chữa các trụ sở UBND xã thuộc huyện Vị Thủy. Hạng mục: UBND xã Vĩnh Thuận Tây, UBND xã Vị Bình, UBND xã Vĩnh Tường	3726/QĐ-UBND, 31/10/2018	6.000	6.000	1.227	1.227				
(4)	Dự án khôi phục mới năm 2020		88.970	88.970	85.466	13.255	66.391	5.820		
	Dự án nhóm C		88.970	88.970	85.466	13.255	66.391	5.820		
1	Xây dựng panô, Cổng chào, xã Vị Trung và các ấp	1004/QĐ-UBND, 28/6/2019	851	851	796	796				
2	Đường kênh 9 Thước, xã Vĩnh Trung	990/QĐ-UBND, 27/6/2019	960	960	905	905				
3	Huyện ủy Vị Thủy. Hạng mục: lắp đặt điện, nước, rãnh thoát nước, vỉa hè	1045/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.100	1.100	1.067	1.067				
4	Đường giao thông nông thôn ấp 7	3549/QĐ-UBND, 28/10/2019	7.500	7.500	7.275	7.275				
5	Nâng cấp, sửa chữa đường Kênh Chùa (xã Vị Trung - Vị Đông)	3548/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.700	1.700	1.649	1.649				
6	Đường Kinh bờ Xáng Nàng Mau từ chợ Vĩnh Tường đến giáp ranh ấp 12, xã Vị Thắng	3547/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.000	6.000	5.820	5.820			5.820	
7	Nâng cấp sửa chữa đường kênh 12000 ấp 7B1 xã Vị Thanh	3546/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.000	1.000	970	970				
8	Đường kênh 8.000 huyện Vị Thủy	3545/QĐ-UBND, 28/10/2019	13.000	13.000	12.600	900	11.700			
9	Đường Giao thông nông thôn xã Vị Trung (đoạn từ kênh 9 thước - Hội Đồng)	3544/QĐ-UBND, 28/10/2019	7.000	7.000	6.600	300	6.300			
10	Trường Mầm non Hòa Mĩ	3489/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.800	2.800	2.716		2.716			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
			Trong đó: NSDP							
11	Trường Mẫu giáo Vĩnh Trung	3488/QĐ-UBND, 25/10/2019	5.500	5.500	5.335		5.335			
12	Trường Mẫu giáo Vị Đông	3487/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.100	1.100	1.067		1.067			
13	Trường Trung học cơ sở Ngô Quốc Trị, hạng mục: Nâng cấp sân, hệ thống thoát nước	3475/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.430	1.430	1.387		1.387			
14	Trường Tiểu học Vị Thanh 2	3486/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	1.940		1.940			
15	Trường Tiểu học Vị Bình 2	3485/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	1.940		1.940			
16	Trường Tiểu học Vĩnh Trung 4	3484/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	1.940		1.940			
17	Trường Mẫu giáo Vị Thủy	3483/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.130	2.130	2.066		2.066		2.066	
18	Trường Tiểu học Vĩnh Trung 5	3482/QĐ-UBND, 25/10/2019	4.000	4.000	3.880		3.880		3.880	
19	Trường Tiểu học Vĩnh Trung 1	3481/QĐ-UBND, 25/10/2019	5.500	5.500	5.335		5.335		5.335	
20	Trường Tiểu học Vĩnh Tường 2	3474/QĐ-UBND, 25/10/2019	5.000	5.000	4.714	214	4.500		4.500	
21	Trường Tiểu học Vị Thủy 2, ấp 4	3480/QĐ-UBND, 25/10/2019	500	500	485		485		485	
22	Trường Tiểu học Nàng Mau 2	3479/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.000	1.000	970		970		970	
23	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 2	3478/QĐ-UBND, 25/10/2019	900	900	873		873		873	
24	Trường Tiểu học Vị Bình 2 (điểm B)	3477/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.100	1.100	1.067		1.067		1.067	
25	Trường Tiểu học Vị Thanh 1, ấp 1, xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy	3543/QĐ-UBND, 28/10/2019	8.400	8.400	7.600		7.600		7.600	
26	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Vị Thủy	1890/QĐ-UBND, 29/10/2019	1.499	1.499	1.499	1.499				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách			Vay ngân hàng thế giới		
						Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất			
27	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Vị Thủy	1891/QĐ-UBND, 29/10/2019	2.000	2.000	2.000						
28	Trường Tiểu học Vị Thảng 1 (điểm B)	3476/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.000	1.000	970		970				
VI	Huyện Phụng Hiệp										
(1)	Dự án tất toán tài khoản		160.034	160.034	73.130	5.505	67.625	0	0	0	
	Dự án nhóm C		69.991	69.991	1.434	0	1.434	0	0	0	
			69.991	69.991	1.434	0	1.434	0	0	0	
1	Trung tâm Y tế huyện	1091/QĐ-UBND, 04/07/2011	33.993	33.993	6		6				
2	Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện	4906/QĐ-UBND, 11/7/2014	32.198	32.198	1.181		1.181				
3	Trường mẫu giáo Tân Bình 2	1976/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.680	1.680	168		168				
4	Nhà văn hoá áp Phú Xuân	3332/QĐ-UBND, 22/5/2014	2.120	2.120	79		79				
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		9.200	9.200	0	0	0	0	0	0	
a	Dự án nhóm C		9.200	9.200	0	0	0	0	0	0	
1	Khu Tái định cư xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp	4597/QĐ-UBND, 31/10/2017	5.000	5.000	-						
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		80.843	80.843	71.696	5.505	66.191	0	0	0	
a	Dự án nhóm C		80.843	80.843	71.696	5.505	66.191	0	0	0	
1	Nhà văn hoá áp Long Sơn 1, xã Long Thạnh	6680/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.320	1.320	1.280		1.280				
2	Nhà văn hoá áp Long Hoà A1, xã Long Thạnh	6683/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200	1.200	1.164		1.164				
3	Nhà văn hoá áp Long Trường 3, xã Long Thạnh	6681/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200	1.200	1.164		1.164				
4	Nhà văn hoá áp Long trường 1, xã Long Thạnh	6682/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200	1.200	1.164		1.164				
5	Nhà văn hoá áp Trường Khánh 2, xã Long Thạnh	6684/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200	1.200	1.164		1.164				
6	Trung tâm văn hóa thể thao xã Long Thạnh	6685/QĐ-UBND, 28/10/2019	6.400	6.400	5.568		5.568				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
7	Nhà công vụ UBND huyện Phụng Hiệp	4428/QĐ-UBND, 31/10/2018	4.500	4.500	4.500	3.915					
8	Trường Tiểu học Tân Bình 4, ấp Tám Ngàn và Tân Q uới Kinh xã Tân Bình	6765/QĐ-UBND, 29/10/2019	1.500	1.500	1.500	1.455		1.455			
9	Trường Trung học cơ sở Long Thạnh	6690/QĐ-UBND, 28/10/2019	2.520	2.520	2.520	2.192		2.192			
10	Trường Mẫu giáo Phương Phú	6809/QĐ-UBND, 30/10/2019	5.000	5.000	5.000	4.350		4.350			
11	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng	6691/QĐ-UBND, 28/10/2019	5.000	5.000	5.000	4.350		4.350			
12	Trường Tiểu học Kim Đồng	6689/QĐ-UBND, 28/10/2019	4.000	4.000	4.000	3.480		3.480			
13	Trường Tiểu học Mùa Xuân	6772/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000	3.000	2.610		2.610			
14	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 3	6770/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.000	4.000	4.000	3.480		3.480			
15	Trường Tiểu học Phương Phú 3	6766/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.000	4.000	4.000	3.480		3.480			
16	Trường Tiểu học Hòa An 2	6687/QĐ-UBND, 28/10/2019	4.000	4.000	4.000	3.480		3.480			
17	Trường Trung học cơ sở Hưng Điền	6771/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.500	4.500	4.500	3.915		3.915			
18	Trường Trung học cơ sở Hòa Mỹ	6823/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.500	9.500	9.500	8.550		8.550			
19	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 3	6813/QĐ-UBND, 30/10/2019	9.000	9.000	9.000	8.100		8.100			
20	Thiết bị UBND xã Hòa Mỹ	6826/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400	1.400	1.400	1.260	1.260				
21	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục hạ tầng trụ sở xã Hòa Mỹ	6824/QĐ-UBND, 31/10/2019	364	364	364	330	330				
22	San lấp mặt bằng, tường rào, cây xanh trung tâm văn hóa xã Bình Thạnh	6825/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.539	1.539	1.539	1.339		1.339			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương					Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong CĐNS	Chia theo nguồn vốn		Vay ngân hàng thế giới	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSĐP	Xổ số kiến thiết		
23	Trường Tiểu học Hòa An 4 (diểm Xáng Bò)	6810/QĐ-UBND, 30/10/2019	4.500	4.500	3.905		3.905		
VII	Huyện Châu Thành		57.330	57.330	42.615	3.911	32.884	5.820	
(2)	Dự án hoàn thành năm 2020		15.000	15.000	3.911	3.911	-	-	
	Dự án nhóm C		15.000	15.000	3.911	3.911	-	-	
1	Khu hành chính UBND xã Phú Hữu, huyện Châu Thành	4857/QĐ-UBND, 31/10/2018	15.000	15.000	3.911	3.911			
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		42.330	42.330	38.704	-	32.884	5.820	
	Dự án nhóm C		42.330	42.330	38.704	-	32.884	5.820	
1	Cụm Dân cư vượt lũ xã Đông Phước	6619/QĐ-UBND, 30/10/2019	6.000	6.000	5.820			5.820	
2	Cụm Dân cư vượt lũ thị trấn Ngã Sáu (giai đoạn 1)	6623/QĐ-UBND, 30/10/2019	8.000	8.000	7.174		7.174		
3	Nhà văn hóa ấp Đông Lợi A, xã Đông Phước	6609/QĐ-UBND, 29/10/2019	800	800	776		776		
4	Nhà văn hóa ấp Tân Long, xã Đông Phước A	6612/QĐ-UBND, 29/10/2019	930	930	902		902		
5	Nhà văn hóa ấp Tân Thuận, xã Đông Phước A	6613/QĐ-UBND, 29/10/2019	900	900	873		873		
6	Nhà văn hóa ấp Phước Tân, xã Đông Phước A	6614/QĐ-UBND, 29/10/2019	800	800	776		776		
7	Nhà văn hóa ấp Long Lợi A, xã Đông Phước A	6611/QĐ-UBND, 29/10/2019	900	900	873		873		
8	Đường Giao thông nông thôn Tuyến Rạch Cái Đồi, ấp Phước Hòa A, xã Đông Phước A	6690/QĐ-UBND, 31/10/2019	7.000	7.000	6.300		6.300		
9	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 2	6692/QĐ-UBND, 31/10/2019	9.000	9.000	8.100		8.100		
10	Trường Trung học cơ sở Phú Hữu	6610/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.000	3.000	2.610		2.610		
11	Trường Mẫu giáo Đông Phước	6691/QĐ-UBND, 31/10/2019	5.000	5.000	4.500		4.500		
VIII	Huyện Châu Thành A		66.116	66.116	56.814	2.340	54.474	-	
(4)	Dự án khởi công mới năm 2020		66.116	66.116	56.814	2.340	54.474	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay ngân hàng thế giới		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Trong CĐNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
	Dự án nhóm C		66.116	66.116	56.814	2.340	54.474	-			
1	Trường Mẫu giáo Trường Long A	3495/QĐ-UBND, 29/10/2019	6.000	6.000	5.220		5.220				
2	Hội trường xã Tân Hòa	3119/QĐ-UBND, 07/10/2019	1.400	1.400	1.260	1.260					
3	Đường giao thông nông thôn: hạng mục: Tuyến So Đũa Bé (nối dài)	3232/QĐ-UBND, 16/10/2019	3.566	3.566	1.146		1.146				
4	Cụm Dân cư vượt lũ Nhơn Nghĩa A	3561/QĐ-UBND; 31/10/2019	7.500	7.500	6.750		6.750				
5	Cụm Dân cư vượt lũ Tân Thuận	3559/QĐ-UBND; 31/10/2019	3.500	3.500	3.045		3.045				
6	Cụm Dân cư vượt lũ Bảy Ngàn	3560/QĐ-UBND; 31/10/2019	7.900	7.900	7.110		7.110				
7	Cụm Dân cư vượt lũ Trường Long A	3558/QĐ-UBND; 31/10/2019	4.300	4.300	3.741		3.741				
8	Cầu Kênh Ba Thước	3556/QĐ-UBND; 31/10/2019	1.000	1.000	870		870				
9	Nâng cấp sửa chữa đường dẫn vào cầu Cầu chữ Y xã Trường Long Tây	3489/QĐ-UBND; 29/10/2019	1.200	1.200	1.080	1.080					
10	Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	3121/QĐ-UBND; 07/10/2019	1.400	1.400	1.218		1.218				
11	Trường Mầm non Hướng Dương	3566/QĐ-UBND; 31/10/2019	6.000	6.000	5.400		5.400				
12	Trường Tiểu học Tân Phú Thạnh 3	3567/QĐ-UBND; 31/10/2019	9.200	9.200	8.280		8.280				
13	Trường Tiểu học Trường Long Tây 1	3565/QĐ-UBND; 31/10/2019	5.450	5.450	4.905		4.905				
14	Trường Tiểu học Thị trấn Một Ngàn A	3120/QĐ-UBND; 07/10/2019	1.000	1.000	870		870				
15	Trường Trung học cơ sở Võ Thị Sáu	3497/QĐ-UBND; 29/10/2019	3.000	3.000	2.700		2.700				
16	Trường Tiểu học Nguyễn Du	3170/QĐ-UBND; 10/10/2019	1.400	1.400	1.218		1.218				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách					
						Trong CBNS	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Vay ngân hàng thế giới		
17	Trường Trung học cơ sở thị trấn Cái Tắc	3206/QĐ-UBND; 15/10/2019	1.300	1.300	1.131		1.131				
18	Trường Tiểu học Trường Long Tây 3	3564/QĐ-UBND; 31/10/2019	1.000	1.000	870		870				